

Đ. Nguyên

UBND TỈNH AN GIANG  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 183 /STC-TCDN-THTK

An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh An Giang;
- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 79/UBND-KTTH ngày 21/01/2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương,

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo chỉ đạo, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đóng góp ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Sở Tài chính <http://sotaichinh.angiang.gov.vn> – mục đóng góp ý kiến dự thảo văn bản.

Ý kiến gửi về Sở Tài chính (Phòng Tài chính Doanh nghiệp – Tin học Thống kê) **trước ngày 05/02/2020**.

Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan quan tâm, phối hợp thực hiện. /lc

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TCDN-THTK.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Lan

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 565 /BTC-TCNH  
V/v lấy ý kiến đối với dự thảo  
Nghị định về tổ chức và  
hoạt động của Quỹ đầu tư  
phát triển địa phương

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: .....

Ngày 14/6/2019, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Theo đó, trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ, Chính phủ đã thông qua 04 nhóm chính sách do Bộ Tài chính đề xuất và giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định trình Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Bộ Tài chính đề nghị Quý đơn vị có ý kiến tham đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định nêu trên (tài liệu gửi kèm theo).

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính) trước ngày 31/01/2020.

Xin cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị. ✓

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ TCNH.(6b)

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Huỳnh Quang Hải**

Danh sách lưu hành Công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16/1/2020

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
  2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
  3. Bộ Tư pháp
  4. Bộ Nội vụ
  5. Bộ Ngoại giao
  6. Bộ Xây dựng
  7. Bộ Giao thông vận tải
  8. Ban Vân động thành lập Hiệp hội Quỹ Đầu tư phát triển địa phương
  9. Ủy ban nhân dân các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương
- \* Hồ sơ gửi kèm gồm (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ, (ii) dự thảo Nghị định.

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**TỜ TRÌNH****Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37)**

Kính gửi: Chính phủ

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 138) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138 (Nghị định số 37). Đánh giá quá trình triển khai thực hiện các Nghị định nêu trên từ năm 2007 đến nay, có thể thấy bên cạnh những kết quả đã đạt được, đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của hệ thống Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPPTĐP). Trên cơ sở đánh giá, tổng kết việc thi hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 178/TTr-BTC ngày 21/12/2018 đề nghị xây dựng Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP.

Ngày 14/6/2019, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (*kèm theo*).

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Ủy ban nhân dân (UBND) các địa phương có thành lập Quỹ ĐTPPTĐP (44 địa phương) và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Nghị định****1. Đánh giá triển khai Nghị định số 138 và Nghị định số 37**

### ***1.1. Kết quả đạt được***

Triển khai quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37 từ năm 2007 đến nay, đã có 44 địa phương thành lập Quỹ ĐTPPTĐP với mục tiêu huy động các nguồn vốn trung và dài hạn để thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp các dự án trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Đến 31/12/2018, số dư nguồn vốn hoạt động của hệ thống Quỹ là 34.980 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2007. Về cơ cấu, vốn chủ sở hữu chiếm 79% và vốn huy động chiếm 21%. Vốn huy động của các Quỹ ĐTPPTĐP tương đương 26% vốn chủ sở hữu. Về sử dụng vốn, tính đến 31/12/2018, tổng vốn sử dụng cho các hoạt động cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp của hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP là 18.111 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2007, trong đó hoạt động cho vay đầu tư cơ sở hạ tầng là 14.084 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng vốn của Quỹ (chiếm 77,7%).

Nguồn vốn cho vay và đầu tư của Quỹ ĐTPPTĐP đã phát huy hiệu quả, đóng vai trò làm “vốn môi” để huy động các nguồn vốn khác tham gia vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại địa phương. Theo đó, tổng lợi nhuận của toàn hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP đến 31/12/2018 là 1.268 tỷ đồng, tăng 4 lần so với năm 2007. Hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP có tăng trưởng về quy mô, nguồn vốn hoạt động, góp phần vào việc huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư cơ sở hạ tầng tại địa phương.

### ***1.2. Hạn chế, tồn tại***

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thời gian qua cho thấy hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP chưa có sự phát triển đồng đều, một số Quỹ hoạt động chưa hiệu quả, quy mô nhỏ, không huy động được vốn và không triển khai được các hoạt động cho vay, đầu tư. Bên cạnh đó, quy mô và hoạt động của một số Quỹ chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng, trong khi để phát triển kinh tế và đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, các địa phương cần huy động được nguồn lực ngày càng lớn. Ngoài ra, trong thời gian vừa qua Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư và Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp mới được ban hành dẫn đến cần thiết rà soát lại các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đánh giá, phân tích các hạn chế trong tổ chức thực hiện, đồng thời rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, cần có các giải pháp chính sách nhằm cải cách và phát triển hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, năng lực hoạt động của các Quỹ ĐTPPTĐP vẫn còn hạn chế do nguồn vốn hoạt động còn thấp. Một số địa phương còn chưa bố trí đủ nguồn vốn điều lệ tối thiểu. Nguồn vốn hoạt động hạn chế đã ảnh hưởng tới việc triển khai

các nghiệp vụ của Quỹ ĐTP TĐP, hầu hết các Quỹ mới chỉ tập trung vào hoạt động cho vay dự án, chỉ một số ít Quỹ có nguồn lực để triển khai nghiệp vụ đầu tư, do đó chưa phát huy được vai trò là nguồn vốn môi để thu hút các nguồn vốn khác trong xã hội cùng tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng. Vì vậy, cần bổ sung quy định về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ, tránh trường hợp địa phương không đủ nguồn lực và chưa xác định rõ mục tiêu đầu tư, cho vay vẫn thành lập Quỹ dẫn đến Quỹ có quy mô nhỏ, việc cho vay, đầu tư hạn chế. Đồng thời, cần thiết phải rà soát sửa đổi trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định thành lập Quỹ.

*Thứ hai*, Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTP TĐP là quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, áp dụng quy định cơ chế tiền lương, khen thưởng, xếp hạng doanh nghiệp như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, quy định liên quan đến cơ chế áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước đã được ban hành mới ở cấp Luật và Nghị định, dẫn đến một số vướng mắc trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động, xác định tiền lương, tiền thưởng. Mô hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ bao gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cán bộ của một số Sở, Ban ngành tại địa phương tại một số thời điểm chưa thực sự linh hoạt và hiệu quả cao, tuy nhiên, có tác động tích cực là hỗ trợ Quỹ trong việc tìm kiếm, đầu tư và cho vay đối với các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương, định hướng hoạt động của Quỹ, hỗ trợ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Theo đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, cần rà soát, củng cố phương thức hoạt động của Quỹ phù hợp với cơ chế áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

*Thứ ba*, hoạt động của Quỹ ĐTP TĐP còn một số bất cập như mức lãi suất cho vay tối thiểu chưa phản ánh được đầy đủ chi phí, tỷ lệ nợ xấu ở mức cao của một số Quỹ chưa được xử lý dứt điểm, hoạt động đầu tư trực tiếp chưa được đẩy mạnh, cơ chế trích lập dự phòng rủi ro cho vay, đầu tư cần được hoàn thiện.

*Thứ tư*, cơ chế quản lý giám sát cần phải tiếp tục hoàn thiện theo hướng (i) có biện pháp xử lý dứt điểm đối với những Quỹ hoạt động không hiệu quả, không hoạt động theo đúng mục đích thành lập Quỹ (ii) bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) trong việc quản lý giám sát hoạt động của Quỹ ĐTP TĐP, đặc biệt là trách nhiệm của UBND. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo về việc hướng dẫn và giám sát các địa phương về việc cho dừng và giải thể các Quỹ ĐTP TĐP hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, quy định của pháp luật theo Chỉ thị số 22/CT-TTg và Công văn số 5335/VPCP-KTTH. Theo đó, đối với những Quỹ hoạt động không hiệu quả (không triển khai được các hoạt động theo quy định của Nghị định), không có

nguồn lực để hoạt động (không đủ mức vốn điều lệ thực có tối thiểu là 100 tỷ đồng), cần có căn cứ pháp lý để rà soát, chấm dứt, giải thể hoạt động nhằm tránh lãng phí nguồn lực, không hiệu quả trong việc duy trì bộ máy hoạt động.

*Thứ năm*, trong thời gian vừa qua, một số văn bản pháp luật có quy định điều chỉnh về hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP đã được ban hành mới như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Do đó, cần phải rà soát, sửa đổi các quy định tại Nghị định để phù hợp với các quy định hiện hành.

## **2. Sự cần thiết ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37**

Trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 138 và Nghị định số 37 (cụ thể tại Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định trình kèm) các Bộ, ngành; các địa phương và Quỹ ĐTPTĐP đều thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP. Việc ban hành Nghị định đáp ứng được các yêu cầu sau:

*Một là*, xây dựng khung khổ pháp lý thống nhất để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPTĐP hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động, đảm bảo phù hợp, đồng bộ với khung khổ pháp lý hiện hành;

*Hai là*, góp phần giảm rủi ro trong hoạt động cho vay, đầu tư của các Quỹ, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP;

*Ba là*, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP.

## **II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng Nghị định**

### **1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, tăng cường năng lực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các Quỹ hoạt động trên cơ sở khắc phục được các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của Quỹ trong thời gian qua. Theo đó, mục tiêu ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37 như sau:

- *Thứ nhất*, tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về pháp lý trong quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

- *Thứ hai*, kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37 để xây dựng Nghị định mới; đồng thời, bổ

sung, hoàn chỉnh nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các nghị định nêu trên.

- Thứ ba, nghiên cứu, bổ sung những nội dung quy định mới để phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và góp phần phát triển hệ thống Quỹ ĐTPTĐP.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước, yêu cầu các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *"khẩn trương rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực và địa bàn được phân công phụ trách, nhất là các quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước đối với các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật hiện hành"*, đồng thời *"rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước"; "tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, bảo đảm nguồn lực tài chính nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch"*.

- Đối với hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ chỉ đạo giao Bộ Tài chính *"chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn và giám sát Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 về việc cho dừng hoạt động và giải thể các Quỹ đã thành lập nhưng không hiệu quả, hoạt động không đúng mục đích, quy định của pháp luật"* (Công văn 5335/VPCP-KTTH ngày 24/5/2017 của Văn phòng Chính phủ).

Theo quy trình soạn thảo văn bản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và các Quỹ ĐTPTĐP, xây dựng Nghị định thay thế các Nghị định số 138 và Nghị định số 37 về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP quán triệt theo quan điểm, chỉ đạo nêu trên của Chính phủ.

## **III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định**

- Ngày 13/6/2019, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP thông qua đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 178/TTr-BTC, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP (thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37) trình Chính phủ xem xét ban hành trong tháng 03/2020.



- Trên cơ sở các đề xuất chính sách tại nêu tại văn bản số 178 /TTr-BTC ngày 21/12/2018 đã được Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, lấy ý kiến các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan đồng thời lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ. Ngày ..., Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số .../BC-BTP đối với dự thảo Nghị định, trên cơ sở ý kiến thẩm định Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ ban hành.

#### **IV. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

**1. Kết cấu:** Dự thảo Nghị định gồm 8 chương và 65 điều, trong đó:

- Chương I: "Quy định chung" quy định về phạm vi điều chỉnh; địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; phạm vi và nguyên tắc hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

- Chương II: "Thành lập, cơ cấu tổ chức của Quỹ ĐTPTĐP" quy định về điều kiện thành lập; quy trình thành lập; điều lệ tổ chức và hoạt động; trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, bao gồm Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ.

- Chương III: "Hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP" quy định về hoạt động đầu tư, cho vay, nhận ủy thác và ủy thác vốn của Quỹ ĐTPTĐP.

- Chương IV: "Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo" quy định về vốn chủ sở hữu; vốn nhận ủy thác; nguyên tắc quản lý vốn; chênh lệch thu chi; quyết toán chênh lệch thu chi; quản lý và sử dụng các quỹ; chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán; cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ...

- Chương V: "Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động" quy định về cơ quan giám sát; nội dung giám sát; căn cứ thực hiện và phương thức giám sát; đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ; thẩm quyền đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ; căn cứ, nội dung, quy trình và phương pháp đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ...

- Chương VI: "Cơ cấu lại, giải thể Quỹ ĐTPTĐP" quy định về cơ cấu lại và giải thể Quỹ; các trường hợp buộc phải giải thể; Hội đồng giải thể; quy trình giải thể; quyết định giải thể; trách nhiệm của Quỹ và Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể.

- Chương VII: "Tổ chức thực hiện" quy định về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương VIII: "Điều khoản thi hành" quy định về điều khoản chuyển tiếp, tổ chức thực hiện, hiệu lực và trách nhiệm thi hành Nghị định.

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:**

- Tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019, Chính phủ đã thông qua 4 nhóm chính sách đề xuất sửa đổi tại Nghị định, bao gồm: (i) nhóm chính sách về hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP; (ii) nhóm chính sách về tăng quy mô và hiệu quả hoạt động của Quỹ; (iii) nhóm chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ; và (iv) nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát.

- Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP, dự thảo Nghị định quy định cụ thể 4 nhóm chính sách, trong đó một số nội dung cơ bản gồm:

### ***2.1. Nhóm chính sách về hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP***

#### ***2.1.1. Về mô hình tổ chức của Quỹ ĐTPTĐP***

Dự thảo Nghị định quy định mô hình của Quỹ như quy định hiện hành tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37, đồng thời rà soát, bổ sung các quy định về quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động để phù hợp với đặc thù của Quỹ ĐTPTĐP và áp dụng cách thức quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước.

#### ***2.1.2. Về cơ chế tiền lương, tiền thưởng và phân phối chênh lệch thu chi của Quỹ ĐTPTĐP***

- Về cơ chế tiền lương, tiền thưởng, trên cơ sở rà soát quy định về cơ chế tiền lương, tiền thưởng áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước đã được ban hành mới ở cấp Luật và Nghị định, dự thảo Nghị định quy định (Điều 45 và Điều 64) đã bổ sung trách nhiệm hướng dẫn của Bộ LĐTĐ. Theo đó, cơ chế tiền lương, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ ĐTPTĐP thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty TNHH MTV do NN sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ LĐTĐ; việc xếp hạng Quỹ ĐTPTĐP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ LĐTĐ.

- Về phân phối chênh lệch thu chi, do Quỹ ĐTPTĐP hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên khác với doanh nghiệp nhà nước, sau khi phân phối và trích lập các quỹ, phần chênh lệch thu chi còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Quy định này là tương đồng với quy định về phân phối chênh lệch thu chi và trích lập các quỹ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác như Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo vệ môi trường...

### ***2.2. Nhóm chính sách về tăng quy mô và hiệu quả hoạt động của Quỹ***

#### ***2.2.1. Về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ ĐTPTĐP***

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định một trong các điều kiện để Quỹ ĐTPĐP được thành lập phải có vốn điều lệ tối thiểu là 100 tỷ đồng. Tuy nhiên, các Nghị định này chưa có quy định về việc đánh giá sự cần thiết, khả năng huy động vốn, khả năng cho vay, đầu tư của Quỹ ĐTPĐP tại thời điểm thành lập Quỹ. Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguồn vốn huy động còn hạn chế, mức vốn điều lệ tối thiểu của các Quỹ chỉ là 100 tỷ đồng nên không bảo đảm cho Quỹ có thể quay vòng nguồn vốn để thực hiện nhiều dự án thuộc lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, chưa thúc đẩy việc huy động thêm các nguồn lực khác trên địa bàn cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Để đảm bảo Quỹ ĐTPĐP khi thành lập có nguồn vốn triển khai các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đóng góp có hiệu quả vào đầu tư phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ ĐTPĐP (Điều 6 và Điều 7), bao gồm: (i) địa phương có nhu cầu và đảm bảo Quỹ hoạt động hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; (ii) nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương tối thiểu là 300 tỷ đồng; (iii) có Đề án thành lập Quỹ do UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua; (iv) có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định các nội dung cơ bản của Đề án thành lập Quỹ, bao gồm phương án huy động, sử dụng vốn và danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư trong thời gian 3 năm từ thời điểm dự kiến thành lập Quỹ.

### **2.2.2. Về cơ cấu lại, giải thể Quỹ ĐTPĐP**

Để nâng cao hiệu quả thành lập và hoạt động Quỹ ĐTPĐP, trên cơ sở quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước, dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động, quản lý giám sát để kịp thời phát hiện các rủi ro và có giải pháp cơ cấu lại hoạt động của Quỹ ĐTPĐP (Điều 47 đến Điều 50). Theo đó, căn cứ vào xếp loại Quỹ ĐTPĐP, UBND cấp tỉnh quyết định cơ cấu lại bộ máy tổ chức, điều hành và hoạt động đối với Quỹ xếp loại hoạt động không hiệu quả. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định theo hướng Quỹ ĐTPĐP buộc phải giải thể khi thuộc các trường hợp sau: (i) mức vốn thực góp của chủ sở hữu không đáp ứng quy định về vốn điều lệ tối thiểu theo quy định; (ii) tỷ lệ tổng số vốn cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong ba (03) năm liên tiếp; (iii) tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% trong ba (03) năm liên tiếp; (iv) có số chênh lệch thu chi âm lũy kế lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; (v) Quỹ ĐTPĐP đã được cơ cấu lại nhưng trong vòng 2 năm vẫn tiếp tục hoạt động không đúng quy định của pháp luật hoặc vẫn bị đánh giá xếp loại

hoạt động chưa hiệu quả.

### **2.3. Nhóm chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ**

#### **2.3.1. Về hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPPTĐP**

- Xuất phát từ thực tế hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP thời gian qua: (i) tỷ lệ nợ xấu ở một số Quỹ ở mức cao, mức lãi suất tối thiểu được UBND một số địa phương quy định ở mức thấp, chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay; (ii) quy định về sử dụng dự phòng rủi ro cho vay, dự phòng rủi ro đầu tư trực tiếp đang được quy định ở cấp Thông tư, cần được quy định tại Nghị định để đảm bảo hiệu lực về pháp lý.

- Dự thảo Nghị định đã rà soát, bổ sung các quy định về hoạt động cho vay đối với Quỹ ĐTPPTĐP như sau:

a) *Về điều kiện cho vay:* Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện cho vay từ Quỹ ĐTPPTĐP theo hướng thận trọng (tương tự như điều kiện cho vay nguồn vốn tín dụng đầu tư của nhà nước và điều kiện cho vay của tổ chức tín dụng), cụ thể: (i) dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ ĐTPPTĐP đã được UBND cấp tỉnh ban hành; (ii) chủ đầu tư của dự án phải có năng lực pháp luật dân sự và không là công ty con, công ty liên kết của Quỹ; (iii) dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; (iv) dự án được Quỹ thẩm định, đánh giá là có hiệu quả, có khả năng trả được nợ vay; và (v) đã mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản đảm bảo tiền vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc (Điều 24).

b) *Về lãi suất cho vay:* Dự thảo Nghị định quy định lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động của vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu. Trong đó, *chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 (năm) công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong 5 (năm) tháng gần nhất.* Căn cứ nguyên tắc này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ ĐTPPTĐP báo cáo UBND cấp tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu. Quy định nêu trên đảm bảo khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp các chi phí liên quan đến hoạt động cho vay, bao gồm cả chi phí dự phòng rủi ro của Quỹ.

#### *c) Về cấp bù chênh lệch lãi suất*

- Theo quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37, UBND cấp tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ. Quỹ ĐTPPTĐP không được cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu. Trường hợp UBND cấp

tính quyết định cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch lãi suất cho Quỹ để đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

- Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015, NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Khoản 11 Điều 8). Qua kiểm tra giám sát, Bộ Tài chính nhận thấy có trường hợp UBND cấp tỉnh thường xuyên quyết định cho vay với lãi suất 0% và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Quỹ (tỉnh Bắc Ninh). Ngân sách địa phương phải chịu chi phí, trong khi doanh nghiệp vay vốn được hưởng ưu đãi (mặc dù mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ ĐTPTĐP hiện trung bình là 8%, thấp hơn mức lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng).

- Để phù hợp với quy định tại Luật NSNN, dự thảo Nghị định quy định theo hướng không cho phép UBND cấp bù chênh lệch lãi suất cho Quỹ.

*d) Về thẩm quyền và quy trình xử lý rủi ro cho vay:*

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi thẩm quyền và quy trình xử lý rủi ro cho vay trên cơ sở rà soát quy định hiện hành của các tổ chức tín dụng (Thông tư số 02/2013/TT-NHHH, Thông tư số 09/2014/TT-NHN và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN) và quy định đối với vốn tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển (Nghị định số 32/2017/NĐ-CP). Cụ thể, dự thảo Nghị định quy định (Điều 30):

- Việc xử lý rủi ro đối với các dự án vay vốn của Quỹ ĐTPTĐP như sau:

+ Trường hợp chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và/hoặc gia hạn nợ; miễn, giảm lãi tiền vay hoặc chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

+ Trường hợp chủ đầu tư không trả được nợ đến hạn thì Quỹ áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

- Thẩm quyền xử lý rủi ro:

+ Cấp quyết định cho vay có thẩm quyền quyết định gia hạn nợ, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

+ Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; miễn, giảm lãi tiền vay;

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc xóa nợ gốc và báo cáo HĐND cấp tỉnh sau khi quyết định.

- Quy trình, thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo quy chế xử lý rủi ro của Quỹ ĐTPTĐP do Chủ tịch HĐQT ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

*d) Về giới hạn cho vay:* dự thảo Nghị định quy định giới hạn cho vay đối với một dự án, giới hạn cho vay đối với một khách hàng, nhóm khách hàng và giới hạn khi Quỹ vừa thực hiện đầu tư, vừa cho vay đối với 1 dự án. Quy định này tương tự quy định đối với tổ chức tín dụng và đảm bảo an toàn trong hoạt động cho vay của Quỹ.

### **2.3.2. Về hoạt động đầu tư của Quỹ**

#### *a) Về hình thức đầu tư*

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTPTĐP thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập tổ chức kinh tế.

- Theo quy định hiện hành tại Luật Đầu tư năm 2014, "*đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư*" (Khoản 5 Điều 3). Theo đó, hoạt động góp vốn thành lập tổ chức kinh tế chỉ là 1 hình thức đầu tư.

- Do vậy, để phù hợp với quy định hiện hành tại Luật Đầu tư, tại dự thảo Nghị định, Vụ TCNH trình Bộ quy định theo hướng Quỹ ĐTPTĐP được phép đầu tư theo các hình thức đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, bao gồm: (i) thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế và (ii) đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

#### *b) Về lĩnh vực đầu tư*

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTPTĐP đầu tư và góp vốn thành lập tổ chức kinh tế thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được UBND cấp tỉnh ban hành; Nghị định quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội làm căn cứ để UBND cấp tỉnh xem xét, thực hiện.

- Trong quá trình triển khai, có nhiều cách hiểu về khái niệm "kết cấu hạ tầng", trong đó có ý kiến cho rằng lĩnh vực kết cấu hạ tầng chỉ bao gồm phần xây dựng, không bao gồm phần máy móc, thiết bị. Theo đó, đối với một số dự án xây dựng bệnh viện, hạ tầng khu công nghiệp, dự án xử lý rác thải..., Quỹ chỉ được đầu tư phần xây dựng (chiếm tỷ trọng nhỏ của dự án) mà không được đầu tư phần máy móc, thiết bị (chiếm tỷ trọng lớn của dự án). Trong bối cảnh các dự án do Quỹ đầu tư thường có tỷ lệ sinh lời thấp, khó tìm kiếm được nguồn vốn từ khu vực tư nhân, với cách hiểu về "kết cấu hạ tầng" chưa thống nhất, dẫn đến

Quỹ không thể cho vay được các dự án đầu tư có cả phần máy móc, thiết bị ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều địa phương và các Quỹ ĐTPĐP phản ánh danh mục khung ban hành tại Nghị định số 37 hiện nay không bao gồm hết các lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương. Nhiều địa phương muốn ưu tiên phát triển một số lĩnh vực đặc thù nhưng không có trong danh mục khung của Nghị định số 37 nên không thể triển khai được. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, nhiều địa phương có văn bản hỏi về các lĩnh vực đầu tư được phép của Quỹ ĐTPĐP gây chậm trễ trong triển khai thực hiện dẫn đến chưa thu hút vốn từ khu vực tư nhân.

- Để khắc phục các khó khăn, vướng mắc nêu trên, tại dự thảo Nghị định giao quyền chủ động cho các địa phương theo hướng căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, UBND cấp tỉnh quyết định ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ ĐTPĐP sau khi có ý kiến thông qua của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Đồng thời, để đảm bảo an toàn hoạt động của Quỹ, dự thảo Nghị định bổ sung các điều kiện cho vay và đầu tư.

#### *c) Về việc quản lý và chuyển nhượng vốn đầu tư*

Trên cơ sở quy định về hình thức và lĩnh vực đầu tư nêu trên, để quản lý chặt chẽ các khoản đầu tư của Quỹ, đảm bảo an toàn hoạt động, dự thảo Nghị định quy định bổ sung về việc quản lý và chuyển nhượng vốn đầu tư như sau:

- Quỹ ĐTPĐP quản lý và chuyển nhượng dự án đầu tư, phần vốn góp tại tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật đối với DNNN. Trong đó, Quỹ ĐTPĐP trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Quy định này đảm bảo Quỹ trích lập đúng các rủi ro tiềm ẩn của dự án, đảm bảo an toàn hoạt động. Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư của Quỹ, dự thảo Nghị định quy định giới hạn đầu tư đối với tổng giá trị các khoản đầu tư, tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

- Dự thảo quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định và chuyển nhượng dự án đầu tư, phần vốn góp tại tổ chức kinh tế (UBND cấp tỉnh quyết định khi giá trị vốn đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ).

#### **2.4. Nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát**

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019 về việc "*lưu ý làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính,*

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), UBND các địa phương và các cơ quan liên quan trong quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác quản lý, giám sát Quỹ", dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của UBND cấp tỉnh với vai trò đại diện chủ sở hữu nhà nước (tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 61) và trách nhiệm quản lý, giám sát của Bộ Tài chính (Điều 62), NHNN (Điều 63) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Điều 64) với vai trò cơ quan quản lý nhà nước.*

### **2.5. Đối với Công ty đầu tư tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)**

- HFIC là công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, thực hiện 2 nhiệm vụ chính bao gồm: (i) chức năng Quỹ ĐTPTĐP và (ii) thí điểm thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp trực thuộc UBND TP. HCM. Trong giai đoạn 2016-2018, Lãnh đạo Chính phủ có các chỉ đạo về việc giao UBND TP. HCM chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Nghị định về mô hình hoạt động và cơ chế tài chính của HFIC. Về việc này, Bộ Tài chính đã có văn bản số 5055/BTC-TCNH ngày 03/5/2019 trình Thủ tướng Chính phủ cho phép rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP và Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 9055/VPCP-DMDN ngày 07/10/2019, theo đó Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ có ý kiến: (i) Đồng ý việc UBND TP. HCM đưa vào Đề án thí điểm thành lập Cơ quan quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp của TP nội dung về chấm dứt thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp của HFIC; (ii) Bộ Tài chính phối hợp với UBND TP. HCM và các cơ quan liên quan rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, trình Chính phủ ban hành. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, UBND TP. HCM hiện đang rà soát và trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét Đề án thí điểm thành lập Cơ quan quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp của TP theo hướng chấm dứt thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp của HFIC.

- Về chức năng nhiệm vụ của HFIC, trên cơ sở đề xuất của UBND TP. HCM về việc chấm dứt thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại HFIC và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ nêu trên, dự kiến trong thời gian tới, HFIC không thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trực thuộc UBND TP. HCM, chỉ còn thực hiện chức năng Quỹ ĐTPTĐP, bao gồm cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác vốn. Ngoài ra, về mô hình tổ chức, do hiện nay HFIC là công ty TNHH



MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ nên HFIC hoạt động theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp Nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn).

- Căn cứ đặc thù về mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ nêu trên của HFIC, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: (i) các hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ ĐTPTĐP của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này (tương tự như quy định hiện hành tại Nghị định số 37); (ii) các hoạt động khác của HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước (theo đó, cơ chế tài chính, quản lý giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và công bố, công khai thông tin của HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính). Quy định này tương tự như quy định hiện hành mà HFIC đang triển khai, thực hiện. Do đó, dự kiến sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành, HFIC tiếp tục duy trì được chức năng huy động vốn, cho vay, đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.

#### **V. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo:*

- *Dự thảo Nghị định;*
- *Tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành;*
- *Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH ( b)

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

## Nội dung

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	2
Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	2
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	2
Chương II	3
THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	3
Điều 6. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương	3
Điều 7. Quy trình thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương	3
Điều 8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	4
Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	5
Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	6
Điều 11. Hội đồng quản lý	7
Điều 12. Kiểm soát viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	8
Điều 13. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương	8
Điều 14. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	9
Điều 15. Tổ chức điều hành hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương	10
Chương III	11
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	11
Mục 1	11
DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	11
Điều 16. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	11
Điều 17. Phê duyệt danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	11
Mục 2	11
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	11
Điều 18. Hình thức đầu tư	12
Điều 19. Đối tượng đầu tư	12

Điều 20. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế	12
Điều 21. Đầu tư dự án	13
Điều 22. Thẩm quyền quyết định và chuyển nhượng dự án đầu tư	13
Điều 23. Giới hạn đầu tư	13
Mục 3	14
<b>HOẠT ĐỘNG CHO VAY</b>	14
Điều 24. Đối tượng và điều kiện cho vay	14
Điều 25. Thời hạn cho vay	14
Điều 26. Lãi suất cho vay	15
Điều 27. Bảo đảm tiền vay	15
Điều 28. Quy định về cho vay hợp vốn	15
Điều 29. Thẩm quyền quyết định cho vay	16
Điều 30. Giới hạn cho vay	16
Điều 31. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay	16
Điều 32. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro	17
Mục 4	17
<b>HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC</b>	17
Điều 33. Nhận ủy thác	17
Điều 34. Ủy thác	18
Mục 5	18
<b>HUY ĐỘNG VỐN</b>	18
Điều 35. Huy động vốn	18
Điều 36. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương	19
Chương IV	20
<b>CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO</b>	20
Điều 37. Vốn chủ sở hữu	20
Điều 38. Vốn nhận ủy thác	20
Điều 39. Nguyên tắc quản lý vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	21
Điều 40. Chênh lệch thu chi	21
Điều 41. Quyết toán chênh lệch thu chi	22
Điều 42. Quản lý và sử dụng các quỹ	22
Điều 43. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán	23
Điều 44. Lập kế hoạch tài chính hàng năm	23
Điều 45. Cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	23

Điều 46. Chế độ thông tin, báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	24
Chương V	25
<b>GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	25
Mục 1	25
<b>GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ</b>	25
Điều 47. Cơ quan giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	25
Điều 48. Nội dung giám sát	25
Điều 49. Căn cứ thực hiện giám sát và phương thức giám sát	26
Điều 50. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	26
Mục 2	27
<b>ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI NGƯỜI QUẢN LÝ</b>	27
Điều 51. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ	27
Điều 52. Căn cứ, nội dung, quy trình và phương pháp đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ	27
Chương VI	27
<b>CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG</b>	27
Điều 53. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	27
Điều 54. Các trường hợp buộc phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	28
Điều 55. Hội đồng giải thể Quỹ Đầu tư phát triển địa phương	28
Điều 56. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	29
Điều 57. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	30
Điều 58. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể	30
Điều 59. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể	31
Chương VII	31
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>	31
Điều 60. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	31
Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	32
Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Tài chính	33
Điều 63. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	33
Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	33
Chương VIII	33
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	33
Điều 65. Tổ chức thực hiện	33

Số: .... /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2019

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập (sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư phát triển địa phương) và hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là HFIC).

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ

đầu tư phát triển địa phương tại một thời điểm.

2. “Người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

### **Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Tên gọi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương: Quỹ đầu tư phát triển, ghép với tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

3. Đầu tư, bao gồm đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư, thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

4. Ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ, các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

5. Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ được cho vay, đầu tư đúng đối tượng và đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này.

## **Chương II**

### **THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 6. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương khi có nhu cầu thực tiễn tại địa phương và đảm bảo Quỹ hoạt động hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương tối thiểu là 300 (ba trăm) tỷ đồng.

3. Có Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

4. Có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

#### **Điều 7. Quy trình thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Khi có nhu cầu thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập Quỹ và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án thành lập Quỹ gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục tiêu và sự cần thiết thành lập Quỹ; nhu cầu đầu tư các dự án kinh tế - xã hội tại địa phương; quy mô, phạm vi, nội dung hoạt động và tác động của việc thành lập Quỹ đến việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

b) Phương án và nguồn vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trong đó bao gồm khả năng huy động vốn của Quỹ trong tối thiểu ba (03) năm từ thời điểm dự kiến thành lập và nguồn cấp vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

c) Phương thức tổ chức điều hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

d) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị định này;

d) Danh sách dự kiến các nhân sự gồm: Chủ tịch và thành viên Hội đồng

quản lý Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Nghị định này;

e) Thuyết minh cụ thể về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này;

g) Dự kiến phương án tài chính và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong vòng 03 (ba) năm sau khi thành lập kèm theo danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư và hiệu quả của các dự án để chứng minh tính khả thi của việc thành lập.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét thông qua các nội dung về thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm:

a) Vốn điều lệ và nguồn hình thành vốn điều lệ;

b) Vốn huy động;

c) Mô hình và cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ;

d) Các nội dung khác liên quan đến Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo yêu cầu quản lý của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi đáp ứng được các điều kiện thành lập Quỹ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. Căn cứ Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại Khoản 1 Điều này đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập và Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này đồng thời có văn bản thông báo đến Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo Quyết định thành lập, Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ có trách nhiệm thông báo công khai việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **Điều 8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phê duyệt và bao gồm các nội dung sau:



- a) Tên và nơi đặt trụ sở chính.
- b) Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật.
- c) Nội dung và phạm vi hoạt động.
- d) Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- đ) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- e) Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ theo quy định tại Nghị định này.
- g) Việc tuyển dụng, lao động, quy hoạch và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo khác của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- h) Nguyên tắc quản lý tài chính đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- i) Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- k) Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ.
- l) Xử lý tranh chấp, cơ cấu lại, giải thể đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.
- m) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

## **Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

- 1. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:
  - a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này;
  - b) Sử dụng vốn đúng mục đích để thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
  - c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

e) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kế hoạch tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn hoạt động cho Quỹ;

h) Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

## 2. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Được lựa chọn các dự án khả thi, có hiệu quả thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân cấp tỉnh ban hành và đáp ứng đủ điều kiện để quyết định đầu tư, cho vay theo quy định Nghị định này;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối yêu cầu về việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ đầu tư phát triển địa phương nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

## **Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Kiểm soát viên.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## **Điều 11. Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng quản lý Quỹ bao gồm Chủ tịch và các thành viên, số lượng không quá 05 (năm) người với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý không được kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, số lượng thành viên, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bao gồm:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch tài chính trung và dài hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Xem xét mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

đ) Xem xét, quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn thuộc thẩm quyền.

e) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

g) Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

h) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

i) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các chức danh quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

k) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

l) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Tiền lương, phụ cấp và quyền lợi khác của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và được tính vào chi phí quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

### **Điều 12. Kiểm soát viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản lý và Ban điều hành Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các nội dung khác có liên quan.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Kiểm soát viên có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động của kiểm soát viên, trách nhiệm, quyền hạn, việc bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương, mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật đối với kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

### **Điều 13. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa

phương thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; quyết định phương án cho vay, đầu tư, huy động vốn, sử dụng vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Đề xuất, xây dựng, trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền về chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính, kế hoạch nhân sự, tiền lương của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; tổ chức thực hiện các kế hoạch này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

đ) Ban hành các văn bản quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

e) Trình Hội đồng quản lý quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với chức danh quản lý Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh trưởng phòng, ban nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

g) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

**Điều 14. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương

a) Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương giúp Giám đốc điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Hội đồng quản lý quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong quá trình hoạt động sau khi có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## 2. Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương

a) Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan; giúp Giám đốc Quỹ giám sát hoạt động tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản lý và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

b) Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Kế toán và các tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## 3. Về nhân sự và tổ chức của Quỹ:

a) Việc tuyển dụng lao động; quy hoạch, điều động và bổ nhiệm người quản lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Việc tổ chức các Phòng, Ban Nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Hội đồng quản lý quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, phù hợp với Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

## **Điều 15. Tổ chức điều hành hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được tổ chức điều hành theo một trong hai phương thức sau:

a) Thành lập bộ máy tổ chức quản lý điều hành độc lập tại địa phương;

b) Ủy thác cho tổ chức tài chính khác tại địa phương quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Trường hợp hoạt động theo mô hình ủy thác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này:

a) Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này. Trong đó, đề án thành lập Quỹ bao gồm các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d và g Khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

b) Việc ủy thác cho tổ chức tài chính khác tại địa phương quản lý điều

hành Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được thực hiện theo văn bản ủy thác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Văn bản ủy thác phải nêu rõ các nội dung: phạm vi ủy thác; nội dung ủy thác; quy trình ủy thác; trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn đối với rủi ro phát sinh và các nội dung khác có liên quan.

3. Căn cứ tình hình thực tế tại từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn phương thức tổ chức, hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương và việc ủy thác theo quy định tại Nghị định này cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

### **Mục 1**

## **DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 16. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của địa phương, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có ý kiến về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

**Điều 17. Phê duyệt danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 16, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc thay đổi danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành danh mục sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 16 và Khoản 1 Điều này.

### **Mục 2**

## **HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

## **Điều 18. Hình thức đầu tư**

1. Căn cứ vào quy mô và nguồn vốn hoạt động, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế;
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế;
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo các quy định của Nghị định này và pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

## **Điều 19. Đối tượng đầu tư**

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các doanh nghiệp, dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định này.

## **Điều 20. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế có ngành, nghề kinh doanh thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định về việc quản lý vốn và phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước.

3. Thẩm quyền xem xét, quyết định việc chuyển nhượng phần vốn đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

4. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn góp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thay đổi ngành, nghề kinh doanh, không hoạt động trong lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này hoặc Quỹ đầu tư phát triển địa phương muốn chuyển nhượng vốn đầu tư thì Quỹ đầu tư phát triển địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh



phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Quỹ. Nguyên tắc và phương thức chuyển nhượng phần vốn đầu tư của Quỹ áp dụng như quy định về nguyên tắc và phương thức chuyển nhượng phần vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

### **Điều 21. Đầu tư dự án**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư đối với các công trình, dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này.

2. Việc đầu tư dự án của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Dự án đã có Quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Dự án có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư;

c) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quản lý, chuyên nhượng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quản lý và chuyên nhượng dự án đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

### **Điều 22. Thẩm quyền quyết định và chuyên nhượng dự án đầu tư**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được quyết định đầu tư hoặc chuyên nhượng một dự án hoặc vốn góp tại tổ chức kinh tế với giá trị không quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính sáu tháng gần nhất thời điểm thực hiện giải ngân vốn hoặc chuyên nhượng dự án, vốn góp.

2. Giá trị vốn đầu tư đối với một dự án, vốn góp tại tổ chức kinh tế lớn hơn giá trị quy định tại Khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và đáp ứng quy định về giới hạn đầu tư tại Điều 23 Nghị định này.

### **Điều 23. Giới hạn đầu tư**

1. Giới hạn đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 20 Nghị định này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 21 Nghị định này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

### **Mục 3**

#### **HOẠT ĐỘNG CHO VAY**

##### **Điều 24. Đối tượng và điều kiện cho vay**

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này;

b) Không là công ty con, công ty liên kết có vốn góp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Dự án đã có Quyết định phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Dự án được Quỹ đầu tư phát triển địa phương thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, có khả năng trả được nợ vay;

d) Mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc.

##### **Điều 25. Thời hạn cho vay**

1. Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, tối đa không quá 15 năm. Dự án có thời hạn vay trên 15 năm nhưng phải đảm bảo khả năng thu hồi vốn và khả năng trả nợ của chủ đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định dự án và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Điều 26. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động của vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu. Trong đó, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 (năm) công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong 5 (năm) tháng gần nhất trước thời điểm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Mức lãi suất cho vay của Quỹ đối với mỗi dự án được áp dụng cho toàn bộ dư nợ của dự án kể từ thời điểm có quyết định điều chỉnh mức lãi suất cho vay tối thiểu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

## **Điều 27. Bảo đảm tiền vay**

1. Chủ đầu tư khi vay vốn thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay. Đối với từng dự án, Quỹ xem xét, quyết định cụ thể các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

## **Điều 28. Quy định về cho vay hợp vốn**

1. Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án thuộc đối tượng cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

và đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho vay quy định tại Điều 24 Nghị định này;

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động.

3. Việc cho vay hợp vốn tuân thủ theo hợp đồng giữa các bên hợp vốn trong đó nêu rõ các điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo đúng quy định tại Nghị định này.

4. Lãi suất cho vay hợp vốn do các bên hợp vốn quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ đầu tư phát triển địa phương tham gia hợp vốn theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

### **Điều 29. Thẩm quyền quyết định cho vay**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định cho vay đối với một dự án với giá trị cho vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính sáu tháng tại thời điểm gần nhất.

2. Mức vốn cho vay đối với một dự án lớn hơn giá trị quy định tại Khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng tối đa không quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất và đáp ứng quy định về giới hạn cho vay tại Điều 30 Nghị định này.

### **Điều 30. Giới hạn cho vay**

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương vừa cho vay vừa thực hiện dự án đầu tư hoặc vừa cho vay vừa đầu tư theo hình thức hợp đồng thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

### **Điều 31. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay**

Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự

phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với tổ chức tín dụng.

### **Điều 32. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro**

1. Việc xử lý rủi ro đối với các dự án vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương như sau:

a) Trường hợp chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và/hoặc gia hạn nợ; miễn, giảm lãi tiền vay hoặc chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

b) Trường hợp chủ đầu tư không trả được nợ đến hạn thì Quỹ áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

2. Thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Cấp quyết định cho vay có thẩm quyền quyết định gia hạn nợ, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; miễn, giảm lãi tiền vay;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xóa nợ gốc và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi quyết định.

3. Quy trình, thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo quy chế xử lý rủi ro của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Chủ tịch Hội đồng quản lý ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **Mục 4**

### **HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC**

#### **Điều 33. Nhận ủy thác**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay và thu hồi nợ cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ các quỹ tài chính nhà nước khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc văn bản ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Khi nhận ủy thác, Quỹ đầu tư phát triển địa phương hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;
- b) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác;
- c) Quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản lý và Ban điều hành Quỹ khi nhận quản lý vốn ủy thác;
- d) Chi phí ủy thác Quỹ đầu tư phát triển được phương được nhận hoặc nguyên tắc xác định chi phí ủy thác Quỹ được nhận.

4. Văn bản ủy thác quy định tại Khoản 1 Điều này do bên ủy thác và Quỹ đầu tư phát triển địa phương (bên nhận ủy thác) thống nhất và bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác và bên nhận ủy thác (Quỹ);
- b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác bao gồm: ủy thác cho vay hoặc ủy thác đầu tư;
- c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;
- d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;
- đ) Hình thức thanh toán chi phí ủy thác và chấm dứt văn bản ủy thác;
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm;
- g) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 34. Ủy thác**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thông qua văn bản ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác. Chi phí ủy thác cụ thể được thỏa thuận và ghi trong văn bản ủy thác.

### **Mục 5**

#### **HUY ĐỘNG VỐN**

#### **Điều 35. Huy động vốn**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động các nguồn vốn trung

và dài hạn theo các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Hình thức huy động vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.

c) Huy động các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tối đa bằng sáu (6) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính sáu tháng tại thời điểm gần nhất.

### **Điều 36. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước trên nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện phát hành trái phiếu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ một (01) năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ;

b) Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành;

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật;

d) Có phương án phát hành trái phiếu được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

đ) Thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có);

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Nghị định này;

g) Đợt phát hành sau phải cách đợt phát hành trước tối thiểu sáu (06) tháng, mỗi đợt phát hành chỉ phát hành một (01) loại trái phiếu có cùng điều

kiện, điều khoản;

h) Trái phiếu chỉ được phân phối sau khi nhà đầu tư xác nhận đã tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin trước khi phát hành và hiểu rõ những rủi ro khi mua trái phiếu;

i) Quỹ hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày công bố thông tin trước khi phát hành;

k) Có tổ chức tư vấn phát hành là công ty chứng khoán.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án, phương thức phát hành trái phiếu, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu và công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

#### **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO**

#### **Điều 37. Vốn chủ sở hữu**

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp, bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương để hoạt động theo quy định tại Nghị định này;

b) Quỹ đầu tư phát triển;

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương chưa được cấp đủ vốn điều lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển hoặc từ ngân sách địa phương và thông báo cho Bộ Tài chính.

3. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đảm bảo mức tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và bố trí nguồn cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này và quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Phương thức xác định mức vốn điều lệ thay đổi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### **Điều 38. Vốn nhận ủy thác**

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 33 Nghị định này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.



### **Điều 39. Nguyên tắc quản lý vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và tài sản, cụ thể:

a) Đầu tư và cho vay theo quy định tại Nghị định này;

b) Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Quỹ tối đa không quá 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định đầu tư. Việc đầu tư, quản lý đầu tư, mua sắm, thanh lý phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định do Nhà nước ban hành áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 31 Nghị định này. Quỹ thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể sử dụng để mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng thuộc danh sách các tổ chức tín dụng được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trong từng thời kỳ theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn.

### **Điều 40. Chênh lệch thu chi**

Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự như sau:

1. Bù đắp các khoản lỗ lũy kế đến thời điểm quyết toán;

2. Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

3. Phần chênh lệch sau khi đã trừ các khoản quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được trích theo thứ tự sau:

a) Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%;

b) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích cụ thể theo kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Điều 52 Nghị định này.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ quy định tại Điều 52 Nghị định này.

d) Phần chênh lệch còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **Điều 41. Quyết toán chênh lệch thu chi**

1. Trước ngày 31/3 hàng năm, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của năm trước liền kề. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi trước ngày 30/6 hàng năm.

2. Khoản chi phí vượt định mức và không được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận quyết toán phải xuất toán ra khỏi sổ sách kế toán của Quỹ, đồng thời phải xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án bồi hoàn của phần vượt so với định mức. Định mức chi phí của Quỹ thực hiện theo quy định về định mức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### **Điều 42. Quản lý và sử dụng các quỹ**

1. Thẩm quyền quyết định việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 40 Nghị định này do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác; Không dùng quỹ khen thưởng để chi thưởng cho người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ đầu tư phát triển địa phương có đóng góp nhiều cho hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Mức thưởng do Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định theo Quy chế quản lý sử dụng quỹ và Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để chi cho các hoạt động, công trình phúc lợi công cộng của người lao động, người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương,

phúc lợi xã hội. Mức chi quỹ phúc lợi do Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ.

5. Quỹ thưởng người quản lý Quỹ Đầu tư phát triển địa phương được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

6. Quỹ đầu tư phát triển địa phương xây dựng, lấy ý kiến tham gia của người lao động, Công đoàn Quỹ và trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt quy chế thi đua khen thưởng và quy chế quản lý sử dụng các quỹ.

#### **Điều 43. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chi phí trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay và đầu tư được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

#### **Điều 44. Lập kế hoạch tài chính hàng năm**

1. Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính trung và dài hạn, Quỹ đầu tư phát triển địa phương xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định để trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch tài chính năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch tài chính năm kế hoạch;

b) Trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có ý kiến đối với kế hoạch tài chính năm để Quỹ đầu tư phát triển địa phương triển khai, thực hiện.

#### **Điều 45. Cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Cơ chế tiền lương, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Quỹ thực hiện xếp loại kết quả hoạt động theo quy định tại Điều 50 Nghị định này để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, trích quỹ thưởng người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

#### **Điều 46. Chế độ thông tin, báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm:

a) Lập và gửi các báo cáo định kỳ 06 tháng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh nơi có Quỹ đầu tư phát triển địa phương thành lập và hoạt động;

b) Lập và gửi báo cáo hàng năm về Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các loại báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm quy định tại Khoản 1 Điều này, gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

b) Báo cáo hoạt động nghiệp vụ: Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động cho vay và đầu tư.

c) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng;

b) Báo cáo năm được gửi chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

3. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân về tình hình hoạt động của Quỹ. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Tình hình tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương: nguồn vốn hoạt động, thu – chi tài chính, trích lập dự phòng rủi ro.

c) Nhận xét, đánh giá và kiến nghị về hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển

địa phương.

4. Kiểm soát viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **Chương V**

### **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG**

#### **Mục 1**

#### **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ**

**Điều 47. Cơ quan giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Nội dung giám sát theo quy định tại Điều 48 Nghị định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với chi nhánh Ngân hàng nhà nước Việt Nam tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trên địa bàn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát và đánh giá tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

#### **Điều 48. Nội dung giám sát**

1. Giám sát việc bảo toàn vốn.
2. Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ thông qua:
  - a) Hoạt động huy động vốn;
  - b) Hoạt động cho vay, đầu tư;
  - c) Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác vốn;
  - d) Hoạt động mua sắm, quản lý tài sản cố định và các hoạt động sử dụng vốn khác.
3. Giám sát kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương
  - a) Việc thực hiện kế hoạch hoạt động của Quỹ;
  - b) Tình hình tài chính của Quỹ: doanh thu và thu nhập khác, chi phí, chênh lệch thu - chi của Quỹ; phân phối chênh lệch thu - chi và trích lập các quỹ.
4. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương của Quỹ.
5. Các nội dung giám sát khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **Điều 49. Căn cứ thực hiện giám sát và phương thức giám sát**

1. Căn cứ thực hiện giám sát bao gồm:

a) Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn;

b) Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

d) Báo cáo tài chính sáu (06) tháng; báo cáo tài chính năm; báo cáo tài chính được kiểm toán (nếu có), báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước;

đ) Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại Quỹ của các cơ quan chức năng đã công bố theo quy định hoặc đã gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Các thông tin, tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giám sát tài chính được thực hiện bằng phương pháp trực tiếp và gián tiếp thông qua các báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để kịp thời phát hiện các rủi ro để cảnh báo và có giải pháp xử lý kịp thời. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát đột xuất tình hình hoạt động của Quỹ trong trường hợp cần thiết.

## **Điều 50. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác;

b) Chỉ tiêu 2: Tổng số vốn cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và đầu tư;

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư;

d) Chỉ tiêu 4: Chênh lệch thu – chi và tỷ suất chênh lệch thu chi trên vốn chủ sở hữu;

đ) Chỉ tiêu 5: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quý, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ;

c) Do Quỹ phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều này.

4. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hàng năm phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo để tổng hợp.

## **Mục 2**

### **ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI NGƯỜI QUẢN LÝ**

#### **Điều 51. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá, xếp loại Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ đánh giá, xếp loại Giám đốc Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ đánh giá, xếp loại người quản lý khác của Quỹ theo thẩm quyền được phân cấp.

#### **Điều 52. Căn cứ, nội dung, quy trình và phương pháp đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ**

Căn cứ, nội dung, quy trình và phương pháp đánh giá, xếp loại người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

## **Chương VI**

### **CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 53. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Điều 52 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các biện pháp sau:

a) Cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản trị, điều hành hoạt động, cơ cấu lại hoạt

động đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương chưa tuân thủ quy định về tổ chức hoạt động và xếp loại hoạt động chưa hiệu quả.

b) Giải thể các Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc một trong các trường hợp buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê duyệt phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

#### **Điều 54. Các trường hợp buộc phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Mức vốn thực góp của chủ sở hữu không đáp ứng quy định về vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

b) Tỷ lệ tổng số vốn cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong ba (03) năm liên tiếp.

c) Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% trong ba (03) năm liên tiếp.

d) Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

đ) Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được cơ cấu lại nhưng trong vòng 2 năm vẫn hoạt động không đúng quy định của pháp luật hoặc tiếp tục bị đánh giá xếp loại hoạt động chưa hiệu quả.

2. Quy trình giải thể thực hiện theo Điều 58 Nghị định này.

#### **Điều 55. Hội đồng giải thể Quỹ Đầu tư phát triển địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phương án giải thể và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng giải thể bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đại diện Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Đại diện Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại địa phương;

d) Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên của Quỹ Đầu tư phát triển địa



phương;

đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của địa phương.

### **Điều 56. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể theo quy định tại Điều 54 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 55 Nghị định này. Hội đồng giải thể có trách nhiệm xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm toán độc lập để đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ, trừ trường hợp đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác cho các quỹ tài chính nhà nước khác (nếu có).

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các nội dung quy định tại Điều 59 Nghị định này.

3. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

a) Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 60 Nghị định này;

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 61 Nghị định này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương không quá hai (02) năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá một (01) năm.

### **Điều 57. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

1. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Quỹ bị giải thể;
- b) Lý do giải thể;
- c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Quỹ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá một (01) năm, kể từ ngày có quyết định giải thể;
- d) Thu hồi trước hạn hoặc chuyển giao các khoản cho vay và đầu tư cho một đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi, thu nợ vốn Quỹ đã cho vay và đầu tư;
- đ) Thời hạn chuyển giao các khoản nhận ủy thác, bao gồm các quỹ tài chính nhà nước ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương, thời gian chuyển giao không vượt quá chín mươi (60) ngày làm việc từ ngày có quyết định giải thể;

e) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và công bố rộng rãi việc giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

### **Điều 58. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể**

1. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tuân thủ các quy định sau:

a) Chấm dứt hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan;

b) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

c) Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác;

d) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ;

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

**Điều 59. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể**

1. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ việc giải thể;

b) Tổ chức giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án được duyệt.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 60. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

1. Thông qua Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

3. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này.

4. Tiếp nhận báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương để thực hiện chức năng quản lý, giám sát đối với hoạt

động của Quỹ.

5. Thông qua phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.

2. Xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định này.

3. Quyết định việc thành lập, cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ hoặc phương án cơ cấu lại Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

5. Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Quy định về chế độ tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này.

8. Xây dựng và ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

9. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

10. Quyết định phê duyệt đầu tư đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

11. Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc thời gian vay quá 15 năm.

12. Quyết định mô hình tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

13. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

14. Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình và hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và việc thực hiện chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

#### **Điều 63. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, thanh tra, giám sát đối với hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

#### **Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Nghị định này.

### **Chương VIII**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 65. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2020 và thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007.

2. Đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có dưới 300 (ba trăm) tỷ đồng phải bổ sung đủ vốn. Sau thời hạn này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương không có đủ vốn điều lệ thực có 300 (ba trăm) tỷ đồng phải thực hiện giải thể theo quy định tại Nghị định này.

b) Các dự án cho vay, đầu tư đã được Quỹ đầu tư phát triển địa phương ký hết hợp đồng cho vay, đầu tư trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết theo giới hạn cho vay, đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho đến hết thời hạn của hợp đồng.

c) Các Quỹ đầu tư phát triển địa phương còn số dư quỹ dự phòng tài chính trong cơ cấu vốn chủ sở hữu thì chuyển toàn bộ số dư quỹ dự phòng tài chính vào quỹ đầu tư phát triển từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

### 3. Đối với HFIC:

a) Hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Đối với các hoạt động khác, HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

b) HFIC thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo và đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn, hướng dẫn của Bộ Tài chính và điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (...b)